

Bản án số: 03/2017/KDTM-ST

Ngày: 07-9-2017

“V/v tranh hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÀ TIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Hên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Huy.

2. Bà Trần Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Toán- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2017/TLST-KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N. Đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Địa chỉ: Số 198, K, phường M, quận P, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn L, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh K. Địa chỉ: số 89, đường N, phường M, Thành phố P, tỉnh Kiên Giang. (Theo giấy ủy quyền số 431/UQ-VCB-PC ngày 01/11/2016, ông Nghiêm Xuân T ủy quyền cho ông Hoàng Văn L).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh Q, chức vụ: Trưởng phòng Phòng giao dịch H - Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh K. Địa chỉ: số 4, M, khu phố N, phường P, thị xã P, tỉnh Kiên Giang. (Theo giấy ủy quyền ngày 15/5/2017, ông Hoàng Văn L ủy quyền cho ông Lê Thanh Q) có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lâm Trùng D, sinh năm 1982, là đại diện hộ kinh doanh Lâm Trùng D. Địa chỉ: số 51, R, khu phố N, phường M, thị xã P, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lương Thị N, sinh năm 1983. Địa chỉ: số 51, R, khu phố N, phường M, thị xã P, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bà Phan Thị B, sinh năm 1945. Địa chỉ: tổ 6, ấp R, xã T, thị xã P, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2017 và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thanh Q trình bày: Vào ngày 29/12/2014, ông Lâm Trùng D là đại diện hộ kinh doanh Lâm Trùng D, cùng vợ là bà Lương Thị N đến Phòng giao dịch H - Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh K ký kết hợp đồng tín dụng số 0531/14/0330/HT để vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay bù đắp vốn kinh doanh thu mua phế liệu, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất trong hạn là 8,8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 29/12/2014, bà Phan Thị B đến Ngân hàng ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0531/14/0330/HT để bảo lãnh cho ông Lâm Trùng D vay số tiền trên. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc tại tổ 5, ấp R, xã T, thị xã P, tỉnh Kiên Giang, số tờ bản đồ 22, số thửa 68a, diện tích 300m² đất ở; số tờ bản đồ 22, số thửa 68b, diện tích 194,5m² đất vườn; số tờ bản đồ 03, số thửa 62, diện tích 7.107,9m² đất vườn, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X330129 do UBND thị xã P cấp ngày 25/9/2003.

Ngày 25/12/2015, ông Lâm Trùng D đến Phòng giao dịch H - Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh K tất toán khoản vay trên và tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng số 0530/15/0330/HT để vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay bù đắp vốn kinh doanh thu mua phế liệu, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất trong hạn là 8,8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khi ký kết hợp đồng tín dụng số 0530/15/0330/HT, ngày 25/12/2015 bà Phan Thị B cũng có ký và đồng ý dùng tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0531/14/0330/HT ngày 29/12/2014 để tiếp tục bảo lãnh cho ông Lâm Trùng D vay số tiền trên.

Khi đến hạn trả nợ Ngân hàng thông báo yêu cầu ông, bà thanh toán vốn, lãi nhưng ông, bà vẫn không thanh toán, đến nay đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngày 15/5/2017, Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu ông D, bà B, bà N thanh toán vốn gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi 5.133.333 đồng, tổng cộng là 105.133.333 đồng, ngày 17/7/2017 ông D đã thanh toán cho Ngân hàng vốn gốc 45.000.000 đồng. Nay ngân hàng xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về nợ gốc và yêu cầu ông Lâm Trùng D, bà Phan Thị B, bà Lương Thị N thanh toán cho Ngân hàng TMCP N vốn gốc là 55.000.000 đồng, tiền lãi là 8.508.500 đồng, tổng cộng là 63.508.500 đồng và lãi suất phát sinh sau ngày 06/9/2017. Trường hợp ông bà không thanh toán cho Ngân hàng số nợ nêu trên thì yêu cầu kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Lâm Trùng D trình bày: Vào ngày 29/12/2014, ông đến Phòng giao dịch H - Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh K ký kết hợp đồng tín dụng số 0531/14/0330/HT để vay số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi tất toán xong số nợ trên thì ngày 25/12/2015, ông có cùng với vợ là bà Lương Thị N, bà Phan Thị B đến Phòng giao dịch H - Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh K ký kết hợp đồng tín dụng số 0530/15/0330/HT để vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay bù đắp vốn kinh doanh thu mua phế liệu, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất trong hạn là 8,8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc tại tổ 5, ấp R, xã T, thị xã P, tỉnh Kiên Giang mang tên bà Phan Thị B đứng ra bảo lãnh cho ông vay số nợ trên. Do quá trình kinh doanh có thua lỗ nên chưa thanh toán xong vốn gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng. Nay ông thừa nhận còn nợ Ngân hàng vốn gốc là 55.000.000 đồng, tiền lãi là 8.508.500 đồng, tổng cộng là 63.508.500 đồng và xin gia hạn 06 tháng sẽ trả hết số nợ trên cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị B trình bày: Giữa bà và ông Lâm Trùng D cũng có mối quan hệ họ hàng nên ngày 29/12/2014 bà có đến Phòng giao dịch H - Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh K ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0531/14/0330/HT để bảo lãnh cho ông Lâm Trùng D vay số tiền 100.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc tại tổ 5, ấp R, xã T, thị xã P, tỉnh Kiên Giang, số tờ bản đồ 22, số thửa 68a, diện tích 300m² đất ở; số tờ bản đồ 22, số thửa 68b, diện tích 194,5m² đất vườn; số tờ bản đồ 03, số thửa 62, diện tích 7.107,9m² đất vườn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X330129 do UBND thị xã P cấp ngày 25/9/2003. Tháng 12/2015, ông D đã tất toán khoản vay trên và tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng số 0530/15/0330/HT để vay số tiền 100.000.000 đồng, bà cũng thừa nhận có ký vào hợp đồng tín dụng và đồng ý dùng tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0531/14/0330/HT ngày 29/12/2014 để tiếp tục bảo lãnh cho ông Lâm Trùng D vay số tiền trên.

Do ông D làm ăn thua lỗ nên còn nợ Ngân hàng vốn gốc là 55.000.000 đồng, tiền lãi là 8.508.500 đồng, tổng cộng là 63.508.500 đồng. Trường hợp ông D không trả được nợ cho Ngân hàng thì bà đồng ý giao tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 330139 do UBND thị xã P cấp ngày 25/9/2003 cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/8/2017 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị N trình bày: Vào ngày 25/12/2015, bà có cùng với chồng là ông Lâm Trùng D và bà Phan Thị B đến Phòng giao dịch H - Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh K ký kết hợp đồng tín dụng số 0530/15/0330/HT để vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay bù đắp vốn kinh doanh thu mua phế liệu, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất trong hạn là 8,8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tọa tại tổ 5, ấp R, xã T, thị xã P, tỉnh Kiên Giang mang tên bà Phan Thị B đứng ra bảo lãnh cho chồng bà vay số

nợ trên. Nay Ngân hàng khởi kiện ông D thì bà cũng thống nhất và không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng các bên đương sự không thống nhất. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và quá trình tranh luận tại phiên tòa, xét thấy có căn cứ để chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lâm Trùng D, là đại diện hộ kinh doanh Lâm Trùng D, cùng vợ là bà Lương Thị N liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP N số tiền là 63.508.500 đồng và lãi suất phát sinh sau ngày 06/9/2017, trường hợp không thanh toán được thì giao tài sản thế chấp của bà Phan Thị B cho cơ quan Thi hành án dân sự kê biên bán hóa giá để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa cá nhân và tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Trong vụ án này bị đơn ông Lâm Trùng D, đại diện hộ kinh doanh Lâm Trùng D cư trú số 51, R, khu phố N, phường M, thị xã P, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị N không có yêu cầu độc lập và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Theo hợp đồng tín dụng số 0530/15/0330/HT ngày 25/12/2015 được ký kết giữa các bên đương sự thì thời hạn cho vay là 12 tháng, từ ngày 25/12/2015 đến ngày 25/12/2016. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên ngày 15/5/2017 Ngân hàng TMCP N khởi kiện, căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 thì vụ án vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N: Hợp đồng tín dụng số 0530/15/0330/HT ngày 25/12/2015 được ký kết giữa Phòng giao dịch H - Ngân

hàng TMCP N - Chi nhánh K với ông Lâm Trùng D là đại diện hộ kinh doanh Lâm Trùng D là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và có lập thành văn bản là phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005, ngày 25/12/2015 Ngân hàng đã giải ngân cho ông D đủ số tiền 100.000.000 đồng là đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay theo quy định tại Điều 473 Bộ luật dân sự năm 2005 nhưng bị đơn sau khi đã nhận tài sản mà không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay là vi phạm Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, khi có tranh chấp xảy ra được pháp luật bảo vệ.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng TMCP N là ông Lê Thanh Q và ông Lâm Trùng D đều thống nhất với nhau về số nợ gốc 55.000.000 đồng và lãi suất phát sinh đến ngày 06/9/2017 là 8.508.500 đồng, tổng cộng là 63.508.500 đồng nhưng không thống nhất về phương thức thanh toán. Ông Lâm Trùng D nại ra rằng do làm ăn thua lỗ nên chưa có khả năng thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng và xin được gia hạn đến tháng 01/2018 sẽ trả dứt số nợ trên nhưng đại diện Ngân hàng là ông Q không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông D.

Tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này”*.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử nghị cần buộc ông Lâm Trùng D là đại diện hộ kinh doanh Lâm Trùng D, cùng vợ là Lương Thị N liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền nêu trên là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

[6] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0531/14/0330/HT ngày 29/12/2014 được ký kết giữa Phòng giao dịch H - Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh K với bà Phan Thị B đã được UBND xã T, thị xã Hà Tiên chứng thực và có đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Hà Tiên là phù hợp với quy định tại điểm a mục 1 Điều 12 Nghị định 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo và mục 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18/11/2011 của Bộ Tư pháp - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. Trường hợp ông Lâm Trùng D, là đại diện hộ kinh doanh Lâm Trùng D, bà Lương Thị N không thi hành số tiền gốc và lãi suất nêu trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc ông Lâm Trùng D là đại diện hộ kinh doanh Lâm Trùng D cùng vợ là bà Lương Thị N phải liên đới chịu

án phí có giá ngạch trên số tiền phải thi hành là 63.508.500 đồng x 5% = 3.175.425 đồng.

Trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng TMCP N số tiền 2.628.333 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 361 và Điều 369 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 429 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; điểm a mục 1 Điều 12 Nghị định 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo; mục 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT ngày 18/11/2011 của Bộ Tư pháp - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Buộc ông Lâm Trùng D là đại diện hộ kinh doanh Lâm Trùng D, cùng vợ là bà Lương Thị N liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP N nợ gốc là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi là 8.508.500 đồng (Tám triệu năm trăm lẻ tám nghìn năm trăm) đồng. Tổng cộng hai khoản là 63.508.500 đồng (Sáu mươi ba triệu năm trăm lẻ tám nghìn năm trăm) đồng và lãi suất phát sinh sau ngày 06/9/2017.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Xử lý tài sản thế chấp: Ông Lâm Trùng D là đại diện hộ kinh doanh Lâm Trùng D, cùng vợ là bà Lương Thị N không thi hành số tiền nợ gốc và tiền lãi nêu trên thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0531/14/0330/HT ngày 29/12/2014 giữa Phòng giao dịch H - Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh K với bà Phan Thị B, tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng đất tọa lạc tại tổ 5, ấp R, xã T, thị xã P, tỉnh Kiên Giang, số tờ bản đồ 22, số thửa 68a, diện tích 300m² đất ở; số tờ bản đồ 22, số thửa 68b, diện tích 194,5m² đất vườn; số tờ bản đồ 03, số thửa 62, diện tích 7.107,9m² đất vườn, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X330129 do UBND thị xã Hà Tiên cấp ngày 25/9/2003.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc ông Lâm Trùng D là đại diện hộ kinh doanh, cùng vợ là bà Lương Thị N liên đới chịu án phí là 3.175.425 (Ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi lăm) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.628.333 (Hai triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng theo biên lai thu tiền số 0001224 ngày 26/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Lương Thị N vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thị xã Hà Tiên;
- Chi cục THADS thị xã Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Mạc Văn Hên